



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 3600642822 ngày 1 tháng 7 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 5 tháng 3 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên
Ông Trần Quốc Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên
	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên
	(đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Ông Vũ Quốc Tuấn	Thành viên
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên
	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên
	(đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Mai Đức Lâm	Tổng Giám đốc
	(từ ngày 1 tháng 3 năm 2024)
Ông Phan Trọng Chinh	Tổng Giám đốc
	(đến ngày 29 tháng 2 năm 2024)
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc phụ trách
	Công nghệ và Sản xuất
Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc Chất lượng

Trụ sở đăng ký

Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn
Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bột giặt NET Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Mai Đức Lâm
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 8 tháng 8 năm 2024

12-6
HÁ
TY T
M
HỒ C



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các **Cổ đông** **Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt NET tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00584-24-1



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2024



Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		668.237.294.857	625.160.914.563
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	230.435.335.827	263.529.637.698
Tiền	111		10.135.335.827	19.029.637.698
Các khoản tương đương tiền	112		220.300.000.000	244.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		169.500.000.000	119.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	169.500.000.000	119.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.493.486.772	66.690.256.372
Phải thu của khách hàng	131	10	19.046.670.044	62.611.417.844
Trả trước cho người bán	132		4.425.875.764	1.601.744.485
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	2.020.940.964	2.477.094.043
Hàng tồn kho	140	12	240.655.335.112	175.459.650.739
Hàng tồn kho	141		243.269.688.569	196.572.990.214
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.614.353.457)	(21.113.339.475)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.153.137.146	481.369.754
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.707.608.866	479.295.288
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.344.253	2.074.466
Thuế phải thu Nhà nước	153		443.184.027	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

100
 CI
 OI
 VHF

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		270.386.995.274	268.653.284.857
Tài sản cố định	220		209.817.866.469	209.729.591.479
Tài sản cố định hữu hình	221	13	205.765.854.393	209.439.049.788
<i>Nguyên giá</i>	222		404.585.310.935	400.512.388.310
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(198.819.456.542)	(191.073.338.522)
Tài sản cố định vô hình	227	14	4.052.012.076	290.541.691
<i>Nguyên giá</i>	228		4.531.881.407	549.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(479.869.331)	(258.458.309)
Bất động sản đầu tư	230	15	4.941.869.253	5.749.808.985
<i>Nguyên giá</i>	231		34.505.676.919	34.505.676.919
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(29.563.807.666)	(28.755.867.934)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.245.313.000	8.008.841.929
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	5.245.313.000	8.008.841.929
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
Tài sản dài hạn khác	260		50.381.946.552	45.165.042.464
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	43.113.155.732	43.273.076.919
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	7.268.790.820	1.891.965.545
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		938.624.290.131	893.814.199.420

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		407.962.493.944	459.519.739.914
Nợ ngắn hạn	310		406.865.914.081	459.341.029.914
Phải trả người bán	311	19	180.579.085.272	157.056.143.754
Người mua trả tiền trước	312		9.780.221.933	7.812.041.961
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20	16.173.624.976	12.320.435.052
Phải trả người lao động	314		3.690.114.443	46.273.051
Chi phí phải trả	315	21	40.172.065.279	62.120.556.294
Phải trả ngắn hạn khác	319		576.040.254	645.022.789
Vay ngắn hạn	320	22	149.921.673.111	213.367.468.200
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.973.088.813	5.973.088.813
Nợ dài hạn	330		1.096.579.863	178.710.000
Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	178.710.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		996.579.863	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		530.661.796.187	434.294.459.506
Vốn chủ sở hữu	410	23	530.661.796.187	434.294.459.506
Vốn cổ phần	411	24	223.983.740.000	223.983.740.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	28.929.813.094	28.929.813.094
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		277.748.243.093	181.380.906.412
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		181.380.906.412	2.946.148.174
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		96.367.336.681	178.434.758.238
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		938.624.290.131	893.814.199.420

Ngày 8 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thúy Diệu
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Thành Luân
Kế toán Trưởng



Mai Đức Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	788.512.374.673	869.615.723.278
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	35.322.125.604	5.332.568.920
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	753.190.249.069	864.283.154.358
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	552.797.322.362	662.178.592.905
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		200.392.926.707	202.104.561.453
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	7.885.951.367	9.881.992.579
Chi phí tài chính	22	30	5.980.028.472	5.717.204.486
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.896.343.434	4.223.657.198
Chi phí bán hàng	25	31	65.520.113.251	98.431.500.693
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	16.640.828.265	22.522.329.242
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		120.137.908.086	85.315.519.611
Thu nhập khác	31		333.290.549	1.852.341.324
Chi phí khác	32		3.408.220	72.024.440
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		329.882.329	1.780.316.884
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		120.467.790.415	87.095.836.495
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	29.477.279.009	11.372.263.212
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(5.376.825.275)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		96.367.336.681	75.723.573.283

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		96.367.336.681	75.723.573.283
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	4.302	3.381

Người lập:

Ngày 8 tháng 8 năm 2024

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thúy Diệu
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Thành Luân
Kế toán Trưởng

Mai Đức Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	120.467.790.415	87.095.836.495
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	10.702.443.739	10.675.598.357
Các khoản dự phòng	03	(311.209.668)	3.265.341.140
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	112.819.647	330.912.870
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.741.576.342)	(7.871.278.083)
Chi phí lãi vay	06	2.896.343.434	4.223.657.198
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	128.126.611.225	97.720.067.977
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	40.849.526.498	37.322.373.235
Biến động hàng tồn kho	10	(63.887.894.842)	(166.105.900)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	4.767.768.742	(9.012.889.007)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.068.392.391)	581.990.409
		108.787.619.232	126.445.436.714
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.921.890.585)	(4.229.224.282)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.750.575.798)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	83.115.152.849	122.216.212.432
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.330.197.986)	(4.982.381.023)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.250.925.927	130.000.000
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(193.000.000.000)	(228.000.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	142.500.000.000	6.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	5.808.499.588	3.941.942.466
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(52.770.772.471)	(222.410.438.557)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	259.666.873.052	275.489.128.906
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(323.122.349.495)	(196.859.228.114)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(63.455.476.443)	78.629.900.792
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(33.111.096.065)	(21.564.325.333)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	263.529.637.698	192.322.689.219
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	16.794.194	(9.075.813)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	230.435.335.827	170.749.288.073

Ngày 8 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thúy Diệu
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Thành Luân
Kế toán Trưởng

Mai Đức Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa;
- bán buôn các loại bột giặt, chế phẩm vệ sinh và hóa chất tẩy rửa; và
- cho thuê kho và nhà xưởng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Chi nhánh Biên Hòa (1/1/2024: 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 277 nhân viên (1/1/2024: 316 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 40 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 15 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 7 năm đến 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------|-------------|
| ▪ nhà cửa | 20 – 25 năm |
| ▪ cơ sở hạ tầng | 5 – 20 năm |

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho tài sản cố định hữu hình và vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí sử dụng hạ tầng

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê trong suốt thời hạn thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và bán buôn bột giặt và chất tẩy rửa. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động của Công ty không bị biến động theo mùa.

5. Thay đổi ước tính kế toán

Khi lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 so với những ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

6. Thay đổi cấu trúc Công ty

Không có thay đổi trọng yếu trong cấu trúc của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Báo cáo bộ phận

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được phân bổ theo vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Nước ngoài”). Toàn bộ tài sản của bộ phận và chi tiêu vốn của bộ phận nằm ở Việt Nam. Các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	655.096.917.395	760.219.689.636	98.093.331.674	104.063.464.722	753.190.249.069	864.283.154.358
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	486.356.208.599	588.330.215.507	66.441.113.763	73.848.377.398	552.797.322.362	662.178.592.905
Lợi nhuận gộp	168.740.708.796	171.889.474.129	31.652.217.911	30.215.087.324	200.392.926.707	202.104.561.453

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	96.608.111	96.608.111
Tiền gửi ngân hàng	10.038.727.716	18.933.029.587
Các khoản tương đương tiền	220.300.000.000	244.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	230.435.335.827	263.529.637.698

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – ngắn hạn	169.500.000.000	119.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Công ty mẹ của công ty mẹ</i>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	5.774.012.722	50.191.064.962
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MEATDeli HN	-	14.863.268
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi Nhánh Hà Nam 02	-	12.344.070
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.871.115.068	2.263.019.315
Ký cược, ký quỹ	103.200.000	103.200.000
Phải thu khác	46.625.896	110.874.728
	<hr/>	<hr/>
	2.020.940.964	2.477.094.043
	<hr/>	<hr/>

12. Hàng tồn kho

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	9.720.226.786	-	2.855.317.174	-
Nguyên vật liệu	180.036.462.671	(2.530.321.882)	149.792.881.267	(21.113.339.475)
Công cụ và dụng cụ	782.352.778	-	560.226.854	-
Thành phẩm	49.973.602.547	(84.031.575)	43.178.000.326	-
Hàng hóa	83.062.000	-	186.564.593	-
Hàng gửi đi bán	2.673.981.787	-	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	243.269.688.569	(2.614.353.457)	196.572.990.214	(21.113.339.475)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	21.113.339.475	562.154.745
Tăng dự phòng trong kỳ	3.118.446.843	3.265.341.140
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.426.236.374)	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(17.191.196.487)	(1.431.713.583)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.614.353.457	2.395.782.302
	<hr/>	<hr/>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có 2.614 triệu VND (1/1/2024: 21.113 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	228.308.924.086	162.549.171.876	7.566.918.136	2.087.374.212	400.512.388.310
Tăng trong kỳ	-	168.750.000	143.000.000	-	311.750.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.322.701.903	5.291.390.613	-	-	6.614.092.516
Thanh lý	-	-	(2.852.919.891)	-	(2.852.919.891)
Số dư cuối kỳ	229.631.625.989	168.009.312.489	4.856.998.245	2.087.374.212	404.585.310.935
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	71.738.479.503	113.180.013.513	4.550.923.189	1.603.922.317	191.073.338.522
Khấu hao trong kỳ	5.291.717.913	4.023.929.071	271.926.423	85.519.578	9.673.092.985
Thanh lý	-	-	(1.926.974.965)	-	(1.926.974.965)
Số dư cuối kỳ	77.030.197.416	117.203.942.584	2.895.874.647	1.689.441.895	198.819.456.542
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	156.570.444.583	49.369.158.363	3.015.994.947	483.451.895	209.439.049.788
Số dư cuối kỳ	152.601.428.573	50.805.369.905	1.961.123.598	397.932.317	205.765.854.393

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 82.363 triệu VND (1/1/2024: 82.940 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	549.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.982.881.407
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.531.881.407
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	258.458.309
Khấu hao trong kỳ	221.411.022
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	479.869.331
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	290.541.691
Số dư cuối kỳ	4.052.012.076

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	31.727.073.211	2.778.603.708	34.505.676.919
			<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	26.338.976.919	2.416.891.015	28.755.867.934
Khấu hao trong kỳ	776.023.908	31.915.824	807.939.732
			<hr/>
Số dư cuối kỳ	27.115.000.827	2.448.806.839	29.563.807.666
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.388.096.292	361.712.693	5.749.808.985
Số dư cuối kỳ	4.612.072.384	329.796.869	4.941.869.253

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 2.593 triệu VND (1/1/2024: 2.593 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư được nắm giữ để cho thuê không được xác định bởi vì Công ty chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	VND
Số dư đầu kỳ	8.008.841.929
Tăng trong kỳ	7.833.444.994
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.614.092.516)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.982.881.407)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.245.313.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Máy móc và thiết bị	4.852.353.000	6.956.919.646
Khác	392.960.000	1.051.922.283
	<hr/>	<hr/>
	5.245.313.000	8.008.841.929

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí sử dụng hạ tầng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	40.993.076.274	2.280.000.645	43.273.076.919
Tăng trong kỳ	-	1.219.408.000	1.219.408.000
Phân bổ trong kỳ	(564.124.902)	(815.204.285)	(1.379.329.187)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	40.428.951.372	2.684.204.360	43.113.155.732

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí khuyến mại và hỗ trợ bán hàng phải trả	5.409.391.124	1.018.904.737
Chi phí khác	1.859.399.696	873.060.808
	<hr/>	<hr/>
	7.268.790.820	1.891.965.545
	<hr/>	<hr/>

19. Phải trả người bán**Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần		
Hóa chất Cơ bản Miền Nam	2.861.810.460	4.157.088.480
Công ty TNHH Masan Brewery MB	38.500.000	-
Công ty Cổ phần Mobicast	4.292.931	-
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Thuế phải nộp Nhà Nước**

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Nộp/Cán trừ/ Phân loại lại VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.427.243.693	65.902.949.055	(68.736.725.955)	593.466.793
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	12.461.489.704	(12.461.489.704)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.842.366.453	29.477.279.009	(22.750.575.798)	15.569.069.664
Thuế nhập khẩu	-	205.972.492	(205.972.492)	-
Thuế thu nhập cá nhân	50.824.906	1.292.925.798	(1.332.662.185)	11.088.519
Các loại thuế khác	-	11.000.000	(11.000.000)	-
	12.320.435.052	109.351.616.058	(105.498.426.134)	16.173.624.976

21. Chi phí phải trả

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí khuyến mại, quảng cáo và hỗ trợ bán hàng	21.435.438.964	42.470.253.851
Chi phí kho vận	4.923.050.037	3.309.556.195
Chi phí thưởng và lương tháng 13	3.878.713.423	9.996.821.594
Chiết khấu thương mại	3.704.389.450	1.282.624.000
Chi phí lãi vay	61.869.921	87.417.072
Chi phí khác	6.168.603.484	4.973.883.582
	40.172.065.279	62.120.556.294



Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Vay ngắn hạn**

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ			30/6/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	
Vay ngắn hạn	213.367.468.200	259.666.873.052	(323.122.349.495)	9.681.354	149.921.673.111

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	3,0% - 3,1%	130.180.790.977	182.722.757.031
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	3,6%	19.740.882.134	30.644.711.169
			149.921.673.111	213.367.468.200

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty không có khoản vay quá hạn bao gồm cả nợ gốc vay và lãi vay.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	223.983.740.000	15.706.553.642	94.563.716.626	334.254.010.268
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	75.723.573.283	75.723.573.283
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	13.223.259.452	(13.223.259.452)	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	223.983.740.000	28.929.813.094	157.064.030.457	409.977.583.551
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	223.983.740.000	28.929.813.094	181.380.906.412	434.294.459.506
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	96.367.336.681	96.367.336.681
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	223.983.740.000	28.929.813.094	277.748.243.093	530.661.796.187

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và năm 2023.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập cho mục đích mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	5.472.971.738	3.417.616.538
Từ hai đến năm năm	9.322.036.704	9.842.466.152
Sau năm năm	45.775.195.178	56.009.841.371
	<hr/> 60.570.203.620	<hr/> 69.269.924.061

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	12.040.666.104	2.345.153.150
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	6.089.200.996	7.007.508.332
	<hr/> 18.129.867.100	<hr/> 9.352.661.482

(c) Ngoại tệ

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	160.568	4.056.738.393	677.461	16.326.799.737
EUR	186	5.010.897	191	5.055.815
		<hr/> 4.061.749.290		<hr/> 16.331.855.552



Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	784.413.186.905	865.422.482.950
▪ Doanh thu cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	2.421.497.241	2.485.034.560
▪ Doanh thu khác	1.677.690.527	1.708.205.768
	<hr/>	<hr/>
	788.512.374.673	869.615.723.278
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	16.830.788.450	5.332.568.920
▪ Hàng bán bị trả lại	18.491.337.154	-
	<hr/>	<hr/>
	35.322.125.604	5.332.568.920
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	753.190.249.069	864.283.154.358

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng hóa đã bán	552.493.282.408	657.309.519.570
▪ Cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	1.278.189.465	1.446.053.796
▪ Giá vốn khác	333.640.020	157.678.399
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.307.789.531)	3.265.341.140
	<hr/>	<hr/>
	552.797.322.362	662.178.592.905

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.416.595.341	7.741.278.083
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.469.356.026	2.140.714.496
	<hr/>	<hr/>
	7.885.951.367	9.881.992.579

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.896.343.434	4.223.657.198
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.083.685.038	1.493.547.288
	<hr/>	<hr/>
	5.980.028.472	5.717.204.486

31. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí khuyến mại, quảng cáo và hỗ trợ bán hàng	31.886.310.972	65.929.036.266
Chi phí kho vận	16.484.627.954	14.283.809.297
Chi phí nhân viên	10.168.085.496	14.798.536.732
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.915.574.957	1.804.942.084
Chi phí khác	5.065.513.872	1.615.176.314
	<hr/>	<hr/>
	65.520.113.251	98.431.500.693

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.190.738.225	12.332.738.071
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.773.014.085	1.724.573.535
Thuế, phí và lệ phí	58.426.081	1.211.556.470
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	684.388.742	210.707.581
Chi phí khác	7.934.261.132	7.042.753.585
	<hr/>	<hr/>
	16.640.828.265	22.522.329.242

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	513.966.337.775	622.345.413.287
Chi phí nhân công và nhân viên	35.448.848.048	47.091.266.120
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.702.443.739	10.675.598.357
Chi phí khác	74.840.634.316	103.020.145.076

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	29.477.279.009	11.372.263.212
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(5.376.825.275)	-
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	24.100.453.734	11.372.263.212

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	120.467.790.415	87.095.836.495
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	24.093.558.083	17.419.167.299
Ưu đãi thuế	-	(6.106.909.007)
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.895.651	78.631.063
Thay đổi trong các chênh lệch tạm thời	-	(18.626.143)
	24.100.453.734	11.372.263.212

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Ngoài ra, Công ty có dự án đầu tư mở rộng thuộc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các điều khoản của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và đáp ứng một trong các tiêu chí theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC, và do đó Công ty được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế đối với phần lợi nhuận chịu thuế tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư mở rộng có lợi nhuận chịu thuế (2018 - 2019); và
- Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2020 - 2023).

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ có thể là đáng kể.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	96.367.336.681	75.723.573.283

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ	22.398.374	22.398.374

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.302	3.381

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<i>Công ty mẹ của công ty mẹ</i>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Bán hàng hóa và dịch vụ thuần	148.765.607.782	206.223.666.779
Mua hàng hóa	3.542.728.303	110.039.541
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Mua hàng hóa	9.832.385.000	28.898.936.600
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam		
Mua hàng hóa	6.323.350.000	8.524.581.306
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce		
Mua hàng hóa	277.624.966	-
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	7.489.274
Phí quản lý	23.017.083	-
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	55.251.237	30.578.310
Công ty TNHH Masan Brewery MB		
Mua dịch vụ	105.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution		
Mua hàng hóa	46.080.000	-
Công ty Cổ phần Masan JinJu		
Bán hàng hóa	-	9.160.720
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Bán hàng hóa	10.724.550	11.450.900

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt Bán hàng hóa	-	8.015.630
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02 Bán hàng hóa	-	10.688.048
Công ty TNHH MEATDeli HN Bán hàng hóa	-	10.688.048
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Thù lao	2.936.574.031	72.000.000

37. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Ngày 8 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Nguyễn Thị Thúy Diệu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thành Luân
Kế toán Trưởng



Mai Đức Lâm
Tổng Giám đốc

